PHỤ LỤC SỐ 1

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2015

(Mẫu báo cáo kèm theo công văn số 10691/BTC-TCDN ngày 02/8/2016 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Tổng tài sản (Mã số 270)		Tài sản ngắn hạn (Mã số 100)		Tiền và các khoản tương đương tiền (Mã số 110)		Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 120)		Đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 121)		Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (Mã số 129)		Các khoản phải thu (Mã số 130+210)	
		2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I	KHỐI TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY MẸ-CÔNG TY CON														
	Công ty TNHH MTV XSKT Ninh Thuận	75.621	91.738	66.715	81.455	59.551	73.456							6.102	6.830

Ghi chú:

- Phụ lục số 1 áp dụng tổng hợp số liệu của các DNNN thuộc Bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh

- Các doanh nghiệp căn cứ vào báo cáo tài chính năm và số liệu trên sổ sách kế toán tại thời điểm kết thúc năm để ghi nhận số liệu vào các cột trong biểu mẫu

- Chỉ tiêu doanh thu hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích áp dụng đối với doanh nghiệp có thực hiện nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo hình thức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch;

- Để thuận lợi cho công tác tổng hợp, đề nghị các đơn vị sử dụng đúng biểu mẫu báo cáo, không thêm, bớt dòng, cột; điền số liệu báo cáo đúng theo đơn vị tính quy định tại biểu mẫu.

- Thư điện tử gửi về Bộ Tài chính đề nghị ghi rõ tên file (VD: BC_BO CONG THUONG hoặc BC_UBND tinh BAC NINH)

Nợ phải thu khó đòi (V.1)		Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Mã số 139 + 219)		Hàng tồn kho (Mã số 141)		Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Mã số 149)		Tài sản cố định (Mã số 220)		ĐT tài chính dài hạn (Mã số 250)		Tài sản dài hạn (Mã số 200)		ĐT vào công ty con (Mã số 251)		ĐT vào công ty liên doanh, liên kết (Mã số 252)		ĐT dài hạn khác (Mã số 258)		Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Mã số 259)	
2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38
				437.000	542.000			4.424	5.721	4.477	4.504	8.905	10.283					5.500	5.500	(1.022)	(995)

Tổng nguồn vốn (Mã số 440)		Tổng số nợ phải trả (Mã số 300)		Nợ ngắn hạn (Mã số 310)		Vay và nợ ngắn hạn (Mã số 311=V.2+V.3)		Vay ngắn hạn trong nước (V.2)		Vay ngắn hạn của các tổ chức tín dụng trong nước		Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại trong nước		Vay ngắn hạn nước ngoài (V.3)		Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng nước ngoài		Các khoản vay ngắn hạn nước ngoài khác		Nợ dài hạn (Mã số 330)		Vay nợ dài hạn (334=V.4 + V.5)	
2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62
75.621	91.738	26.943	37.211	26.943	37.211																		

Vay dài hạn trong nước (V.4)		Vay dài hạn của các tổ chức tín dụng trong nước		Phát hành trái phiếu, tín phiếu trong nước		Thuê tài chính dài hạn trong nước		Các khoản vay dài hạn trong nước khác		Vay dài hạn nước ngoài (V.5)		Vay lại vốn ODA của CP		Vay nước ngoài được CP bảo lãnh		Tự vay tự trả nước ngoài		Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		Các khoản vay nước ngoài còn lại		Nợ quá hạn (V.6)		Vốn chủ sở hữu (Mã số 410)	
2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88
																								48.677	54.527

Vốn đầu tư của CSH (Mã số 411)		Quỹ ĐT phát triển (Mã số 417)		Quỹ dự phòng tài chính (Mã số 418)		Quỹ khác thuộc VCSH (Mã số 419)		LNST chưa phân phối (Mã số 420)		Nguồn vốn đầu tư XDCB (Mã số 421)		Quỹ Hỗ trợ sắp xếp DN (Mã số 422)		Quỹ khen thưởng phúc lợi (Mã số 323)		Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (Mã số 339)		Vốn điều lệ đã được phê duyệt		Tổng doanh thu (Mã số 10+21+31)	
2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100	101	102	103	104	105	106	107	108	109	110
40.000	48.677	8.677	5.849											3.011	3.064			50.000	50.000	190.387	200.394

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)		Doanh thu cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích		Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)		Thu nhập khác (Mã số 31)		Tổng chi phí (Mã số 11+22+24+25+32)		Lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)		Lỗ phát sinh (nếu có)		Lỗ lũy kế		Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang (V.7)		Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN (Mã số V.8=V9 + V.10 + V.11)	
2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
111	112	113	114	115	116	117	118	119	120	121	122	123	124	125	126	127	128	129	130
187.294	197.747			2.883	2.456	209	190	176.547	175.387	13.840	25.007					6.266	9.061	52.682	57.900

Thu từ hoạt động kinh doanh nội địa (V.9)		Thu từ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu (V.10)		Thuế và các khoản đã nộp NSNN trong năm (V.12)		Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau (V.13=V.7+V.8-V.12)		Lợi nhuận sau thuế phát sinh phải nộp NSNN (theo Nghị định 204) (V.15)		Lợi nhuận sau thuế đã nộp NSNN trong năm (V.16)		Kim ngạch xuất khẩu (Đơn vị tính: nghìn USD)		Kim ngạch nhập khẩu (Đơn vị tính: nghìn USD)		Tổng số người lao động (người)		Tổng quỹ lương của người lao động (triệu đồng)	
2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015
131	132	133	134	135	136	137	138	139	140	141	142	143	144	145	146	147	148	149	150
				96.933	65.094	1.758	5.948		11.399		7.700					54	56	7.420	7.999

TN bình quân của người lao động (nghìn đồng/người/tháng)		Tổng số Viên chức QLDN (người)		Tổng số Viên chức QLDN chuyên trách (người)		Tổng số Viên chức QLDN không chuyên trách (người)		Tổng Quỹ lương của Viên chức QLDN (triệu đồng)		TN bình quân của Viên chức QLDN (nghìn đồng/người/tháng)		Số liệu báo cáo tài chính	
2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	2014	2015	Đã kiểm toán	Chưa kiểm toán
151	152	153	154	155	156	157	158	159	160	161	162	163	164
11.450	11.903	5	6	4	5	1	1	1.936	1.928	32.266	26.777	X	

Ninh Thuận, ngày 29 tháng 8 năm 2016

Lập biểu

Giám đốc

M.S.D.N: 4500135891-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT NINH THUẬN
TP.PHAN RANG-T.CHÀM-T.NINH THUẬN

Trần Thị Thanh Hiếu

Nguyễn Khoa Hào